

LIÊM CHÍNH HỌC THUẬT TRONG MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM

Lê Thị Minh Thảo^{1}, Phạm Thị Tâm¹, Thiều Cẩm Sơn¹*

**Tác giả liên hệ, Email:thaoltm@hou.edu.vn*

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 02/06/2025

Ngày phản biện đánh giá: 15/08/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 29/08/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.660

Tóm tắt: Bài viết này áp dụng phương pháp tổng quan hệ thống để phân tích thực trạng liên chính học thuật trong giáo dục đại học Việt Nam, dựa trên dữ liệu từ các nghiên cứu đã công bố, báo cáo của các tổ chức giáo dục và văn bản pháp quy có liên quan. Kết quả nghiên cứu cho thấy: trong khi cộng đồng học thuật khẳng định tầm quan trọng của liên chính học thuật, việc hiểu biết và thực thi các quy định cụ thể vẫn còn hạn chế đáng kể, dẫn đến tình trạng vi phạm diễn ra phổ biến qua các hình thức như đạo văn, trích dẫn sai, bịa đặt dữ liệu và vi phạm quyền tác giả. Các nguyên nhân chủ yếu bao gồm áp lực thành tích nghiên cứu, cơ chế đánh giá chưa phù hợp và thiếu giáo dục có hệ thống về đạo đức học thuật. Nghiên cứu khuyến nghị việc triển khai giải pháp đồng bộ trên ba cấp độ: cơ quan quản lý nhà nước cần hoàn thiện khung pháp lý và hướng dẫn thống nhất; các trường đại học cần xây dựng văn hóa liên chính và cải cách hệ thống đánh giá; cộng đồng học thuật cần nâng cao ý thức trách nhiệm cá nhân, đồng thời thích ứng với những thay đổi do công nghệ và trí tuệ nhân tạo mang lại trong môi trường học thuật hiện đại.

Từ khóa: liên chính học thuật, đạo đức khoa học, đạo văn, giáo dục đại học, nghiên cứu khoa học, Việt Nam

I. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh hội nhập giáo dục quốc tế và phát triển kinh tế tri thức, việc đảm bảo liên chính học thuật đã trở thành yêu cầu cấp thiết đối với các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam. Liên chính học thuật không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo mà còn quyết định uy tín và vị thế của hệ thống giáo dục trong nước trên trường quốc tế.

Mặc dù các quy định pháp lý về quản lý hoạt động khoa học và đào tạo sau đại học đã được ban hành, đặc biệt là Nghị định số 109/2022 của Chính phủ lần đầu tiên đưa quy định về liên chính học thuật vào văn bản pháp lý, thực tế cho thấy vẫn tồn tại những vi phạm liên chính học thuật trong môi trường đại học Việt Nam.

Đặc biệt, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin và trí tuệ nhân

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội

tạo đã tạo ra những thách thức mới cho việc duy trì và kiểm soát liêm chính học thuật. Việc sinh viên sử dụng các công cụ AI như Chat GPT để làm bài tập, viết tiểu luận ngày càng phổ biến, đồng thời các dịch vụ mua bán bài tập, luận văn trực tuyến cũng gia tăng, làm cho vấn đề đạo văn trở nên nghiêm trọng hơn.

Hiện nay, các nghiên cứu về liêm chính học thuật tại Việt Nam còn rải rác và chưa có cái nhìn tổng thể về hiện trạng, nguyên nhân cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi vi phạm trong cộng đồng học thuật. Mặc dù đã có một số nghiên cứu như của Nguyễn Phạm Duy Linh và cộng sự (2024), Tran và cộng sự (2018) về tình trạng đạo văn, và các khảo sát của Trường Đại học Duy Tân cho thấy trên 80% sinh viên đã vi phạm một trong các lỗi về đạo văn, nhưng vẫn thiếu cơ sở khoa học tổng thể để hiểu rõ bản chất và quy mô của vấn đề.

Do đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm tổng quan và phân tích hiện trạng liêm chính học thuật trong đào tạo và nghiên cứu khoa học tại các trường đại học Việt Nam, từ đó làm rõ các thách thức chính và đưa ra những nhận định có cơ sở khoa học về vấn đề này trong bối cảnh giáo dục đại học hiện đại.

II. Cơ sở lý thuyết và tổng quan tài liệu

2.1. Khái niệm liêm chính học thuật

Khái niệm liêm chính học thuật có nguồn gốc từ các nghiên cứu về gian lận và phát triển đạo đức được thực hiện trong thế kỷ 20. Theo Bertram Gallant và Rettinger (2022), lĩnh vực nghiên cứu về liêm chính học thuật đã phát triển từ các

nghiên cứu về gian lận, lừa dối và phát triển đạo đức. Những nghiên cứu tiên phong của Hartshorne và May (1928) về gian lận ở trẻ em đã phát hiện ra rằng gian lận không chỉ là hiện tượng tâm lý được biểu hiện bởi các biến số nội tại mà còn là hiện tượng xã hội học bị ảnh hưởng bởi môi trường xung quanh.

Drake (1941) và Bowers (1964) đã tập trung nghiên cứu về liêm chính học thuật, hay chính xác hơn là về đối lập của nó - hành vi sai trái học thuật. Tuy nhiên, bước ngoặt quyết định diễn ra với nghiên cứu của McCabe (1992), khi ông tiến hành nghiên cứu quy mô lớn với 6.096 sinh viên tại 31 trường đại học, làm chấn động ông và những người đại diện cho các tổ chức tham gia nghiên cứu đến mức họ thành lập Trung tâm Liêm chính Học thuật (nay là ICAI) để giải quyết vấn đề gian lận và nâng cao văn hóa liêm chính trong các tổ chức giáo dục đại học.

Theo định nghĩa của Trung tâm Quốc tế về Liêm chính Học thuật (ICAI, 2021), liêm chính học thuật là “cam kết thực hiện các giá trị cơ bản của tính trung thực, tin cậy, công bằng, tôn trọng, trách nhiệm và dũng cảm ngay cả khi đối mặt với nghịch cảnh”. Nghiên cứu của Nguyen và cộng sự (2024) cũng khẳng định rằng liêm chính học thuật đóng vai trò như nền tảng của các hoạt động học thuật, hướng dẫn sinh viên thực hiện các hành vi trung thực, đáng tin cậy và có đạo đức trong quá trình học tập.

Theo nghiên cứu của Nguyễn Phạm Duy Linh và cộng sự (2024), liêm chính học thuật có thể được coi là một nguyên tắc đạo đức cốt lõi trong môi trường giáo dục và nghiên cứu khoa học, gắn liền với

đạo đức trong khoa học và được đặc trưng bởi tính trung thực, nghiêm túc, minh bạch, sự tôn trọng và trách nhiệm.

Như vậy, liêm chính học thuật (academic integrity) là một khái niệm cốt lõi trong môi trường giáo dục và nghiên cứu khoa học, thể hiện sự cam kết tuân thủ các nguyên tắc đạo đức cơ bản trong hoạt động học thuật.

2.2. Các giá trị cốt lõi của liêm chính học thuật

Dựa trên tài liệu của ICAI (2021) và các nghiên cứu trong nước, liêm chính học thuật được xây dựng trên năm giá trị cốt lõi:

- Tính trung thực (Honesty): Đảm bảo tính chính xác và minh bạch trong tất cả các hoạt động học thuật, bao gồm nghiên cứu, viết bài, thi cử và trình bày kết quả. Điều này có nghĩa là tránh việc đạo văn và gian lận, cùng với những hành vi không đạo đức khác.

- Tính tin cậy (Trust): Xây dựng môi trường học thuật dựa trên niềm tin lẫn nhau giữa sinh viên, giảng viên và nhà quản lý, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của cộng đồng học thuật.

- Tính công bằng (Fairness): Đảm bảo mọi cá nhân đều có cơ hội bình đẳng để học tập và thể hiện năng lực thực sự của mình, không sử dụng các phương thức gian lận để có được lợi thế bất công.

- Tính tôn trọng (Respect): Tôn trọng ý kiến, quan điểm và tài sản trí tuệ của người khác trong cộng đồng học thuật, thừa nhận và ghi nhận đúng cách các nguồn thông tin và ý tưởng được sử dụng.

- Tính trách nhiệm (Responsibility): Chịu trách nhiệm về hành vi của bản thân

và có nghĩa vụ duy trì môi trường học thuật lành mạnh, báo cáo các hành vi vi phạm khi phát hiện.

2.3. Phạm vi và ý nghĩa của liêm chính học thuật

Theo nghiên cứu của Nguyễn Phạm Duy Linh và cộng sự (2024), trong tiến trình phát triển khoa học, liêm chính trong học thuật được thực hiện ở các cơ sở giáo dục, được ghi nhận trong các tuyên bố sứ mệnh, chính sách, thủ tục và quy tắc danh dự. Liêm chính học thuật bao gồm những nguyên tắc và chuẩn mực về sự trung thực, ngay thẳng, trong sáng và trách nhiệm của các cá nhân và tổ chức trong hoạt động học thuật.

Liêm chính học thuật không chỉ đơn thuần là việc tránh các hành vi tiêu cực như đạo văn, gian lận, mà còn bao gồm việc tích cực xây dựng và duy trì môi trường học thuật lành mạnh. Đây là yêu cầu sống còn với sự tồn tại và phát triển của cộng đồng học thuật, cũng như đóng góp cho sự tiến bộ của khoa học và xã hội.

2.4. Liêm chính học thuật trong bối cảnh hiện đại

Trong bối cảnh phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo, khái niệm liêm chính học thuật đã có những mở rộng mới. Nghiên cứu của Nguyen và cộng sự (2024) về tác động của liêm chính học thuật đến ý định sử dụng Chat GPT trong học tập cho thấy rằng việc sử dụng các công cụ AI trong giáo dục đặt ra những thách thức mới về mặt đạo đức học thuật.

Liêm chính học thuật hiện đại cần bao gồm cả việc sử dụng có trách nhiệm các công nghệ mới, đảm bảo tính minh

bach trong việc sử dụng các công cụ hỗ trợ học tập và nghiên cứu, đồng thời duy trì tính chính trực trong quá trình tạo ra kiến thức và thành quả học thuật.

III. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết này áp dụng phương pháp nghiên cứu tổng quan hệ thống (systematic review) để đánh giá hiện trạng liên chính học thuật trong đào tạo và công bố khoa học tại Việt Nam. Phương pháp phân tích dữ liệu thứ cấp được lựa chọn dựa trên tình hình nghiên cứu hiện có và phù hợp với xu hướng nghiên cứu quốc tế về liên chính học thuật.

Dữ liệu được thu thập từ các nghiên cứu khoa học đã công bố, báo cáo nghiên cứu từ các tổ chức giáo dục, văn bản pháp quy của nhà nước về quản lý hoạt động khoa học, và dữ liệu thống kê từ các cơ quan quản lý giáo dục. Quá trình tìm kiếm tài liệu được thực hiện có hệ thống thông qua các cơ sở dữ liệu học thuật trong nước và quốc tế, sử dụng từ khóa liên quan đến liên chính học thuật, đạo đức học thuật, và gian lận học thuật.

IV. Các hình thức vi phạm liên chính học thuật

4.1. Phân loại vi phạm liên chính học thuật

Theo McCabe và Trevino (1997), các hình thức vi phạm liên chính học thuật có thể được phân loại dựa trên mức độ nghiêm trọng, bản chất hành vi và tác động đến môi trường học thuật. Nghiên cứu đột phá của Bowers (1964) về sự không trung thực của sinh viên đã đặt nền móng cho việc phân loại và hiểu biết về các dạng vi phạm trong môi trường đại học. Các nghiên cứu tiếp theo của McCabe,

Butterfield và Trevino (2003) đã mở rộng và làm rõ hơn về các hình thức vi phạm cụ thể trong bối cảnh giáo dục hiện đại.

Theo Davis (2023), trong thời đại mâu thuẫn hiện tại, việc xác định và phân loại các hình thức vi phạm liên chính học thuật trở nên phức tạp hơn do sự phát triển của công nghệ và thay đổi trong phương thức giáo dục. Điều này đòi hỏi cách tiếp cận toàn diện để hiểu và giải quyết các vấn đề liên quan.

4.2. Đạo văn (Plagiarism)

4.2.1. Định nghĩa và đặc điểm

Đạo văn được xác định là việc sử dụng ý tưởng, từ ngữ, hoặc thành quả nghiên cứu của người khác mà không ghi nhận nguồn gốc một cách thích hợp (Tran, Huynh & Nguyen, 2018). Trong nghiên cứu về tình hình đạo văn trong các báo cáo tốt nghiệp của sinh viên đại học tại Việt Nam, Tran và cộng sự đã chỉ ra rằng đạo văn không chỉ đơn thuần là việc sao chép mà còn bao gồm nhiều dạng thức tinh vi khác.

4.2.2. Các dạng thức đạo văn

Đạo văn trực tiếp: Theo Perkins, Gezgin và Roe (2020), đây là việc sao chép nguyên văn nội dung từ nguồn khác mà không có dấu hiệu trích dẫn hoặc ghi nhận tác giả. Dạng vi phạm này dễ nhận biết nhất nhưng vẫn phổ biến trong môi trường học thuật.

Đạo văn gián tiếp: Bao gồm việc diễn giải lại ý tưởng của người khác mà không ghi nhận nguồn gốc. Dạng vi phạm này khó phát hiện hơn nhưng không kém phần nghiêm trọng.

Tự đạo văn: Việc sử dụng lại công trình nghiên cứu của chính mình mà không

khai báo rõ ràng, tạo ấn tượng về tính mới mẻ của nghiên cứu.

4.2.3. Tác động của công nghệ đến đạo văn

Nghiên cứu của Nguyen, Vu và Vu (2024) về tác động của liên chính học thuật đến việc sử dụng ChatGPT cho thấy sự xuất hiện của trí tuệ nhân tạo đã tạo ra những thách thức mới trong việc xác định và ngăn chặn đạo văn. Việc sử dụng các công cụ AI để tạo nội dung mà không khai báo đang trở thành một dạng vi phạm mới cần được quan tâm.

4.3. Gian lận trong thi cử và đánh giá

4.3.1. Gian lận trong thi truyền thống

Theo nghiên cứu của Drake (1941) về lý do sinh viên gian lận, các hành vi gian lận trong thi cử bao gồm việc sao chép bài làm, sử dụng tài liệu không được phép, trao đổi thông tin trong quá trình thi, và nhận trợ giúp từ bên ngoài. McCabe (1992) đã mở rộng nghiên cứu này bằng cách phân tích ảnh hưởng của đạo đức tình huống đến hành vi gian lận của sinh viên.

4.3.2. Gian lận trong cuộc thi trực tuyến

Nghiên cứu tổng quan của De Maio và Dixon (2022) về 30 năm nghiên cứu tại Australasia cho thấy sự phát triển của công nghệ đã tạo ra các hình thức gian lận mới, bao gồm việc sử dụng thiết bị điện tử để truy cập thông tin, gian lận qua mạng trong các kỳ thi trực tuyến, và sử dụng phần mềm để hoàn thành bài tập.

4.3.3. Hợp tác không được phép

McCabe và Trevino (1997) đã xác định việc hợp tác không được phép trong các bài tập cá nhân là một dạng vi phạm phổ biến. Điều này bao gồm việc chia

sẻ bài làm, thảo luận về nội dung thi khi không được phép, hoặc thực hiện bài tập thay cho người khác.

4.4. Làm giả và bịa đặt dữ liệu nghiên cứu

4.4.1. Làm giả dữ liệu (Fabrication)

Theo Nichols-Casebolts (2012), việc làm giả dữ liệu là việc bịa đặt hoặc tạo ra dữ liệu, kết quả nghiên cứu không có thật và ghi lại hoặc báo cáo chúng như thể chúng là kết quả nghiên cứu thực tế. Đây là một trong những vi phạm nghiêm trọng nhất trong nghiên cứu khoa học.

4.4.2. Ngụy tạo dữ liệu (Falsification)

Việc sửa đổi, thay đổi dữ liệu nghiên cứu, thiết bị, quy trình nghiên cứu hoặc bỏ qua một số dữ liệu để nghiên cứu không được đại diện chính xác trong hồ sơ nghiên cứu. Dạng vi phạm này đặc biệt nguy hiểm vì có thể dẫn đến những kết luận sai lệch trong khoa học.

4.5. Vi phạm quyền tác giả và đồng tác giả

Việc đưa những người không tham gia thực chất vào nghiên cứu làm tác giả hoặc đồng tác giả, hoặc ngược lại, không ghi nhận đúng mức những người có đóng góp thực chất vào nghiên cứu.

Việc sắp xếp thứ tự tác giả không phản ánh đúng mức độ đóng góp của từng cá nhân vào nghiên cứu, thường do các yếu tố chính trị hoặc quyền lực trong tổ chức.

V. Vấn đề liên chính học thuật ở Việt Nam

5.1. Khung pháp lý và quy định về liên chính học thuật tại Việt Nam

Trong bối cảnh Việt Nam, liên chính học thuật đã trở thành một yêu cầu cấp thiết được thể chế hóa qua hệ thống

văn bản pháp quy từ trung ương đến cơ sở, phản ánh sự cam kết mạnh mẽ của nhà nước trong việc nâng cao chất lượng giáo dục và nghiên cứu khoa học.

5.1.1. Khung pháp lý về liên chính học thuật tại Việt Nam

Về mặt pháp lý, vấn đề liên chính học thuật tại Việt Nam được quy định thông qua hệ thống các văn bản luật chính, bao gồm Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 (đã được sửa đổi, bổ sung các năm 2009, 2019, 2022) và Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 (sửa đổi năm 2018). Luật Sở hữu trí tuệ đóng vai trò nền tảng trong việc bảo vệ quyền tác giả và quyền sở hữu trí tuệ, quy định rõ về các hành vi xâm phạm quyền tác giả như chiếm đoạt quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học và hành vi mạo danh tác giả. Luật khẳng định tác phẩm được bảo hộ phải “do tác giả trực tiếp sáng tạo bằng lao động trí tuệ của mình mà không sao chép từ tác phẩm của người khác”, tạo cơ sở pháp lý vững chắc để xử lý các vi phạm đạo văn và sao chép bất hợp pháp. Đồng thời, Luật Giáo dục đại học trao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục đại học trong việc “ban hành, tổ chức thực hiện tiêu chuẩn, chính sách chất lượng” và quy định trách nhiệm của các trường trong việc đảm bảo chất lượng đào tạo và nghiên cứu. Trên cơ sở hai luật này, các cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm tuân thủ và áp dụng các quy định về sở hữu trí tuệ trong hoạt động học thuật, đồng thời xây dựng các quy chế nội bộ để đảm bảo liên chính trong đào tạo và nghiên cứu khoa học.

5.1.2. Các văn bản quản lý cấp chính phủ

Sự ra đời của Nghị định số 109/2022/NĐ-CP vào ngày 30/12/2022 về hoạt động

khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học cho thấy đây là lần đầu tiên, quy định về liên chính học thuật được chính thức đưa vào Nghị định của Chính phủ, thể hiện tầm quan trọng của vấn đề này ở cấp độ chính sách quốc gia. Theo Điều 20 của Nghị định này, các cơ sở giáo dục đại học bắt buộc phải:

- Ban hành bộ quy tắc về liên chính học thuật trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bảo đảm nguyên tắc trung thực, trách nhiệm, công bằng, minh bạch phù hợp với thực tiễn và theo thông lệ quốc tế

- Ban hành các quy định nội bộ, công cụ để kiểm soát, biện pháp xử lý vi phạm để ngăn chặn hành vi đạo văn, gian lận và bịa đặt trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

5.1.3. Các văn bản quản lý cấp bộ ngành

Quy chế đào tạo sau đại học đã đưa ra những yêu cầu về tính trung thực và chất lượng trong nghiên cứu khoa học. Thông tư 15/2014/TT-BGDĐT về Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ và Thông tư 08/2017/TT-BGDĐT về Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ đều nhấn mạnh yêu cầu về liên chính học thuật trong đào tạo và nghiên cứu. Đặc biệt, quy chế đào tạo tiến sĩ từ năm 2017 đã siết chặt các tiêu chí để bảo đảm liên chính học thuật, yêu cầu tuân thủ quy định về liên chính học thuật và các quy định về sở hữu trí tuệ, tăng cường giám sát và kiểm soát việc chống sao chép.

5.1.4. Quy định của các cơ quan tài trợ nghiên cứu

Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) đã xây

dựng hệ thống liên chính nghiên cứu thông qua Quyết định số 10/QĐ-HĐQL-NAFOSTED ngày 15/02/2022 ban hành “Quy định về liên chính nghiên cứu đối với việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ, hỗ trợ”. Quy định này xác định 4 nguyên tắc đảm bảo liên chính nghiên cứu:

- Trung thực trong mọi khía cạnh của nghiên cứu

- Trách nhiệm giải trình đối với việc thực hiện nghiên cứu

- Chuyên nghiệp và công bằng trong hợp tác nghiên cứu và đánh giá khoa học

- Quản lý tốt nguồn lực và triển khai nghiên cứu

Đặc biệt, quy định đưa ra 11 trách nhiệm cụ thể mà nhà khoa học phải tuân thủ, từ việc chịu trách nhiệm về độ tin cậy của nghiên cứu, không sao chép kết quả, tham chiếu trích dẫn đầy đủ, đến việc đảm bảo danh sách tác giả chính xác và thông tin cá nhân trung thực.

5.1.5. Quy định của các Trường đại học

Triển khai theo Nghị định 109/2022, các trường đại học tại Việt Nam đã và đang tích cực xây dựng các quy định nội bộ về liên chính học thuật. Quá trình này thể hiện sự chủ động và đa dạng trong cách tiếp cận, đồng thời phản ánh những đặc thù riêng của từng cơ sở giáo dục.

Trường Đại học Hoa Sen là một trong những cơ sở giáo dục đầu tiên tại Việt Nam ban hành quy định về liên chính học thuật thông qua Quyết định số 1741/QĐ-BGH ngày 08/10/2013. Trường đã tích cực triển khai các hoạt động nâng cao nhận thức và tổ chức “Hội nghị liên

chính học thuật toàn quốc lần thứ nhất” vào năm 2016, thu hút sự tham gia của nhiều trường đại học trên cả nước và tạo tiền đề cho việc hình thành mạng lưới các trường đại học hành động vì liên chính học thuật.

Học viện Ngân hàng cũng sớm ban hành Quyết định số 119/QĐ-HVNH ngày 20/02/2019 về quy định liên chính học thuật, thể hiện sự quan tâm của các cơ sở đào tạo chuyên ngành đến việc xây dựng văn hóa học thuật chính trực.

Đại học Bách khoa Hà Nội đã có bước tiến đột phá khi ban hành Quyết định số 12160/QĐ-ĐHBK về việc ban hành quy định liên chính học thuật, trở thành cơ sở giáo dục đại học đầu tiên đưa ra quy định chặt chẽ và cấm mua bán kết quả nghiên cứu khoa học dưới mọi hình thức. Quy định này bao gồm 12 yêu cầu cụ thể về liên chính học thuật trong hoạt động nghiên cứu khoa học và đào tạo, đặc biệt nhấn mạnh:

- Cấm hoàn toàn việc mua bán kết quả nghiên cứu khoa học;

- Yêu cầu cán bộ thuộc trường phải ghi tên đơn vị là “Đại học Bách khoa Hà Nội” trong mọi công bố khoa học;

- Quy định chi tiết về trách nhiệm của các cán bộ, giảng viên trong việc hướng dẫn và tuân thủ quyền tác giả;

- Thiết lập cơ chế xử lý vi phạm từ kỷ luật đến chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý.

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã ban hành quy định về liên chính học thuật trong học tập, đào tạo và nghiên cứu khoa học, thể hiện sự toàn diện trong việc bao phủ tất cả các hoạt động học thuật.

Liên quan đến quy định về AI và công nghệ mới, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn (Đại học Quốc gia TP.HCM) đã có những quy định đặc biệt tiên tiến về liên chính học thuật khi sử dụng trí tuệ nhân tạo, có hiệu lực từ ngày 15/01/2025. Quy định này yêu cầu:

- Minh bạch về việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trong bài tập, bài giảng, bài viết, nghiên cứu

- Báo cáo rõ tỷ lệ sử dụng nội dung được hỗ trợ bởi AI và mô tả vai trò của AI trong quá trình nghiên cứu

- Người nghiên cứu phải đảm bảo tính chính xác các dữ liệu do AI cung cấp và chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung

Phân tích các quy định của các trường đại học cho thấy những đặc điểm chung:

Về nội dung: Các quy định đều tập trung vào các nguyên tắc cốt lõi như trung thực, trách nhiệm, công bằng, minh bạch. Đặc biệt chú trọng đến việc chống đạo văn, bảo vệ quyền tác giả và đảm bảo tính trung thực trong nghiên cứu.

Về phạm vi áp dụng: Hầu hết các quy định đều áp dụng cho toàn thể cán bộ, giảng viên, người lao động, sinh viên và cả các đơn vị, tổ chức có hợp tác với trường.

Về công cụ kiểm soát: Nhiều trường đã đầu tư vào phần mềm kiểm tra đạo văn như Turnitin, với một số trường như Đại học Bách khoa Hà Nội đang phát triển phần mềm kiểm tra trùng lặp bằng tiếng Việt.

Về xử lý vi phạm: Các quy định đều có hệ thống xử lý phân tầng từ nhắc nhở, kỷ luật đến chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý theo pháp luật.

Xu hướng phát triển trong tương lai là việc hình thành mạng lưới các trường đại học cùng hành động vì liên chính học thuật, chia sẻ kinh nghiệm và phối hợp trong việc sử dụng các công cụ kiểm soát, đồng thời cập nhật quy định để thích ứng với những thay đổi của công nghệ, đặc biệt là sự phát triển của trí tuệ nhân tạo.

5.2. Thực trạng liên chính học thuật tại Việt Nam qua một số nghiên cứu

Trong bối cảnh hội nhập giáo dục quốc tế và phát triển kinh tế tri thức, việc đảm bảo liên chính học thuật đã trở thành yêu cầu cấp thiết đối với các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam. Nghiên cứu của Nguyễn Phạm Duy Linh và cộng sự (2024) cho thấy vấn đề liên chính học thuật trong khoa học trở nên là một vấn đề nổi cộm trong thời gian gần đây. Nền khoa học Việt Nam vẫn còn non trẻ, nền tảng chưa vững chắc, hội nhập chưa sâu với nền khoa học đã phát triển trên thế giới.

Kết quả khảo sát thực nghiệm với 242 quan sát, bao gồm các giảng viên, chuyên viên, cán bộ quản lý của các trường đại học ở Việt Nam tại 3 thành phố: Hà Nội, Đà Nẵng, và Thành phố Hồ Chí Minh, cho thấy 89.7% đối tượng nghiên cứu khẳng định tầm quan trọng của liên chính học thuật. Tuy nhiên, chỉ có 56.3% thể hiện sự hiểu biết rõ ràng về các quy định cụ thể. Điểm trung bình về nhận thức liên chính học thuật là 3.42/5.0 (SD = 0.78), cho thấy mức độ nhận thức ở mức trung bình.

5.3. Vấn đề liên chính học thuật trong nghiên cứu khoa học qua một số nghiên cứu

5.3.1. Tình trạng vi phạm trong nghiên cứu khoa học

Nghiên cứu của Nguyễn Phạm Duy Linh và cộng sự (2024) chỉ ra rằng 73.2%

đối tượng khảo sát báo cáo đã từng chứng kiến các hành vi vi phạm liên chính trong 2 năm gần đây. Trong đó, 34.5% chứng kiến thường xuyên (hàng tháng hoặc thường xuyên hơn), 38.7% chứng kiến thỉnh thoảng (vài lần trong năm). Đáng lo ngại hơn, 48.1% người tham gia khảo sát chưa từng trực tiếp trải qua những trường hợp vi phạm nhưng chứng kiến người khác trải qua và 47.3% chọn chưa từng, cho thấy sự phổ biến của các hành vi vi phạm trong cộng đồng học thuật.

Các hình thức vi phạm phổ biến trong nghiên cứu khoa học bao gồm:

Đạo văn và các hình thức liên quan chiếm tỷ lệ cao nhất:

- Sao chép nội dung mà không trích dẫn: 45.6%

- Tự đạo văn: 38.9%

- Trích dẫn không chính xác: 35.2%

- Sử dụng dữ liệu của người khác mà không được phép: 28.7%.

Bịa đặt và ngụy tạo dữ liệu:

- Bịa đặt hoặc chỉnh sửa dữ liệu: 15.3%

- Sử dụng số liệu giả cho các báo cáo: 60.4% người khảo sát cho biết hiện tượng này “không bao giờ” xảy ra, cho thấy mức độ nghiêm trọng khi nó xảy ra.

Vi phạm quyền tác giả:

- Giả mạo tác giả hoặc đồng tác giả: 12.8%

- Đưa những người không tham gia nghiên cứu vào làm tác giả công trình có tỷ lệ chọn “rất phổ biến” nhiều nhất trong các hiện tượng khảo sát với 4.2%.

5.3.2. Nguyên nhân vi phạm trong nghiên cứu khoa học

Phân tích các nguyên nhân dẫn đến vi phạm liên chính trong nghiên cứu khoa học cho thấy:

Áp lực về thành tích nghiên cứu là nguyên nhân chính với 61.4% người khảo sát lựa chọn. Điều này phản ánh chế độ đánh giá dựa trên số lượng công bố tạo áp lực lên các nhà nghiên cứu, dẫn đến các hành vi vi phạm.

Cơ hội thăng tiến tại cơ quan được 42.2% lựa chọn, cho thấy sự cạnh tranh trong môi trường học thuật có thể dẫn đến những hành vi không đúng đắn.

Yếu tố khác bao gồm áp lực kinh tế của cá nhân (25.5%), áp lực từ các nguồn quy tài trợ (27.5%), và áp lực về loại tạp chí được xuất bản (22.3%).

5.3.3. Thực trạng quản lý và phát hiện vi phạm

Nghiên cứu cho thấy 75% các trường đã sử dụng phần mềm kiểm tra đạo văn, chủ yếu là Turnitin (50.6% người khảo sát biết đến) và các phần mềm khác như Plagiarisma (23.9%), CopyLeaks (22.7%). Tuy nhiên, việc sử dụng chưa thống nhất và hiệu quả.

Về phản ứng khi phát hiện vi phạm, 18.3% chưa rõ tình hình đúng sai nên chưa làm gì, 16.3% người muốn lên tiếng nhưng ngại phiền phức và lo lắng về hậu quả. Chỉ có 1.6% đã báo cáo với những người có thẩm quyền xử lý vụ việc, cho thấy văn hóa báo cáo vi phạm chưa được khuyến khích.

5.4. Vấn đề liên chính học thuật trong đào tạo

5.4.1. Tình trạng vi phạm của sinh viên

Theo nghiên cứu của Nguyễn Phạm Duy Linh và cộng sự (2024), tình trạng vi phạm liên chính trong đào tạo diễn ra ở nhiều mức độ khác nhau. Việc các luận

văn tốt nghiệp đại học bị phát hiện đạo văn diễn ra phổ biến. Nghiên cứu của Tran và cộng sự (2018) về tình trạng đạo văn trong các báo cáo tốt nghiệp của sinh viên đại học tại Việt Nam cho thấy đây là một vấn đề nghiêm trọng cần được giải quyết.

Sự hiểu biết của sinh viên về liên chính học thuật còn sơ sài, trong khi đó giảng viên cũng không đòi hỏi sinh viên về các tiêu chuẩn đạo đức học thuật nào. Điều này dẫn đến tình trạng sinh viên dễ dãi cho qua những vấn đề đạo văn mà không nhận thức được mức độ nghiêm trọng.

5.4.2. Các biện pháp đảm bảo liên chính trong đào tạo

+ Giám sát và kiểm tra:

- 68.5% giảng viên và các cán bộ chọn giám sát sinh viên chặt chẽ trong quá trình thi cử làm biện pháp đảm bảo liên chính học thuật.

- 64.9% đưa ra nhiều đề thi khác nhau.

- 53.8% sử dụng phần mềm phát hiện đạo văn, sao chép

+ Giáo dục và tuyên truyền:

- 49% trường có phổ biến quy định và quy chế liên chính học thuật cho sinh viên.

- 42.6% cung cấp thông tin, thảo luận về liên chính học thuật với sinh viên.

- Thời điểm phổ biến phổ biến nhất là trong hướng dẫn làm bài tập cá nhân hoặc bài tập nhóm (29.5%)

5.4.3. Thách thức trong giáo dục liên chính học thuật

- Thiếu đào tạo hệ thống: 52.3% người tham gia không được đào tạo, tập huấn về liên chính học thuật tại cơ sở giáo dục họ công tác. Điều này ảnh hưởng trực

tiếp đến chất lượng giáo dục liên chính cho sinh viên.

- Hình thức phổ biến chưa hiệu quả: Hình thức phổ biến quy định phổ biến nhất là tập huấn và đào tạo với 37.1%, tuy nhiên việc triển khai chưa đồng bộ và hiệu quả.

- Văn hóa học thuật chưa được hình thành: Trong văn hóa Việt Nam, việc chia sẻ kiến thức được coi là tích cực, điều này đôi khi dẫn đến hiểu lầm về quyền sở hữu trí tuệ và ranh giới giữa chia sẻ hợp lệ và vi phạm liên chính.

VI. Kết luận

Nghiên cứu tổng quan hệ thống về liên chính học thuật trong môi trường giáo dục đại học Việt Nam là một vấn đề cấp thiết trong bối cảnh hội nhập giáo dục quốc tế và phát triển kinh tế tri thức. Kết quả nghiên cứu cho thấy sự tồn tại của một nghịch lý đáng lo ngại: trong khi liên chính học thuật được thừa nhận rộng rãi về tầm quan trọng, việc hiểu biết và thực thi trong thực tế vẫn còn nhiều hạn chế, dẫn đến tình trạng vi phạm diễn ra phổ biến trong cộng đồng học thuật.

Phân tích sâu về các hình thức vi phạm cho thấy đạo văn và các hành vi liên quan vẫn là vấn đề chính, đặc biệt trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo. Sự xuất hiện của các công cụ AI như Chat GPT đã tạo ra những thách thức mới, đòi hỏi cách tiếp cận khác biệt trong việc định nghĩa và kiểm soát liên chính học thuật. Đồng thời, các nguyên nhân sâu xa như áp lực thành tích nghiên cứu, cơ chế đánh giá chưa phù hợp và thiếu giáo dục có hệ thống về đạo đức học thuật đã góp phần tạo nên môi trường thuận lợi cho các hành vi vi phạm.

Về mặt thể chế, mặc dù Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể trong việc xây dựng khung pháp lý về liêm chính học thuật, từ Nghị định của Chính phủ đến các quy định cụ thể của từng trường đại học, việc thực thi và giám sát vẫn gặp nhiều khó khăn. Khoảng cách giữa quy định trên giấy và thực hành trong đời sống học thuật hàng ngày phản ánh những thách thức phức tạp trong việc thay đổi văn hóa và thói quen đã hình thành lâu đời.

Để giải quyết hiệu quả vấn đề này, cần có sự chuyển đổi toàn diện và đồng bộ trên nhiều cấp độ. Thứ nhất, các cơ quan quản lý nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp quy, đồng thời ban hành các hướng dẫn thống nhất và cụ thể hơn về cách thức thực thi. Thứ hai, các trường đại học cần chuyển từ việc chỉ ban hành quy định sang xây dựng văn hóa liêm chính học thuật thông qua giáo dục, tuyên truyền và tạo động lực tích cực cho cộng đồng học thuật. Thứ ba, cần cải cách hệ thống đánh giá hiện tại, từ việc quá chú trọng số lượng công bố sang đánh giá chất lượng và tác động thực sự của nghiên cứu.

Đặc biệt, trong bối cảnh công nghệ phát triển nhanh chóng, việc thích ứng với những thay đổi do trí tuệ nhân tạo mang lại trở thành yêu cầu cấp thiết. Điều này đòi hỏi cách tiếp cận mới trong giáo dục về liêm chính học thuật, bao gồm việc hướng dẫn sử dụng có trách nhiệm các công cụ AI và duy trì tính minh bạch trong quá trình nghiên cứu.

Nghiên cứu này cũng cho thấy vai trò quan trọng của cộng đồng học thuật trong việc tự điều chỉnh và xây dựng môi trường nghiên cứu lành mạnh. Sự tham gia tích cực của các nhà khoa học, giảng

viên và sinh viên trong việc thúc đẩy văn hóa liêm chính không chỉ thông qua tuân thủ quy định mà còn qua việc tạo ra những chuẩn mực đạo đức cao trong hoạt động hàng ngày.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Bertram Gallant, T., & Rettinger, D. (2022). An introduction to 30 years of research on academic integrity. *Journal of College and Character*, 23(1), 1-5. <https://doi.org/10.1080/2194587X.2021.2017975>
- [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2014). *Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ* (Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT, ngày 15-5-2014). <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Thong-tu-15-2014-TT-BGDĐT-Quy-che-Dao-tao-trinh-do-thac-si-229824.aspx>
- [3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2017). *Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ* (Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT, ngày 4-4-2017). <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/>
- [4]. Bowers, W. J. (1964). *Student dishonesty and its control in college*. Columbia University. Bureau of Applied Social Research.
- [5]. Davis, A. (2023). Academic integrity in the time of contradictions. *Cogent Education*, 10(2), Article 2289307. <https://doi.org/10.1080/2331186X.2023.2289307>
- [6]. De Maio, C., & Dixon, K. (2022). Promoting academic integrity in institutions of higher learning: What 30 years of research (1990-2020) in Australasia has taught us. *Journal of College and Character*, 23(1), 6-20. <https://doi.org/10.1080/2194587X.2021.2017972>
- [7]. Drake, C. A. (1941). Why students cheat. *The Journal of Higher Education*, 12(8), 418-420. <https://doi.org/10.2307/1976003>

- [8]. Hartshorne, H., & May, M. A. (1928). *Studies in deceit*. Macmillan.
- [9]. International Center for Academic Integrity. (2021). *The fundamental values of academic integrity* (3rd ed.). <http://www.academicintegrity.org/the-fundamental-values-of-academic-integrity/>
- [10]. McCabe, D. L. (1992). The influence of situational ethics on cheating among college students. *Sociological Inquiry*, 62(3), 365-374. <https://doi.org/10.1111/j.1475-682X.1992.tb00287.x>
- [11]. McCabe, D. L., & Trevino, L. K. (1997). Individual and contextual influences on academic dishonesty: A multicampus investigation. *Research in Higher Education*, 38(3), 379-396. <https://doi.org/10.1023/A:1024954224675>
- [12]. McCabe, D. L., Butterfield, K. D., & Trevino, L. K. (2003). Faculty and academic integrity: The influence of current honor codes and past honor code experiences. *Research in Higher Education*, 44(3), 367-385. <https://doi.org/10.1023/A:1023033916853>
- [13]. Nghị định số 109/2022/NĐ-CP Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học được ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2022
- [14]. Nguyễn Phạm Duy Linh, Huỳnh Đăng Chính, Nguyễn Ngọc Anh, Nguyễn Kim Dung, & Hoàng Xuân Trung. (2024). Liêm chính học thuật trong môi trường giáo dục và nghiên cứu khoa học. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, 4(196), 3-20. DOI: 10.56794/KHXHVN.4(196).3-20
- [15]. Nguyen, H. H., Vu, Q. N., & Vu, M. H. T. (2024). The impact of academic integrity on the intention to use ChatGPT in the studies of students in Hanoi, Vietnam. *Research Review International Journal of Multidisciplinary*, 9(2), 207-214. <https://doi.org/10.31305/rrijm.2024.v09.n02.022>
- [16]. Nichols-Casebolts, A. (2012). *Research Integrity and Responsible Conduct of Research*. Oxford University Press.
- [17]. Perkins, M., Gezgin, U. B., & Roe, J. (2020). Reducing plagiarism through academic misconduct education. *International Journal for Educational Integrity*, 16(3). <https://doi.org/10.1007/s40979-020-00052-8>
- [18]. Quy định số 10/QĐ-HĐQL-NAFOSTED ban hành Quy định về liêm chính nghiên cứu đối với việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ, hỗ trợ
- [19]. Thu Quỳnh. (2019). Đạo đức học thuật trong khoa học xã hội và nhân văn và những khoảng trống. <http://tiasang.com.vn/-quan-ly-khoa-hoc/Dao-duc-hoc-thuat-trong-KHXHNV-va-nhung-khoang-trong-14104>
- [20]. Tran, U. T., Huynh, T., & Nguyen, H. T. T. (2018). Academic integrity in higher education: The case of plagiarism of graduation reports by undergraduate seniors in Vietnam. *Journal of Academic Ethics*, 16(1), 61-69. <https://doi.org/10.1007/s10805-017-9279-9>
- [21]. Trường Đại học Mở Hà Nội. (2023). *Quyết định số 4333/QĐ-ĐHM ngày 28/11/2023 về việc ban hành Quy định quản lý hoạt động KH&CN của Trường Đại học Mở Hà Nội*.

ACADEMIC INTEGRITY IN VIETNAMESE HIGHER EDUCATION

Le Thi Minh Thao², Pham Thi Tam², Thieu Cam Son²

Abstract: *This study employs a systematic review methodology to analyze the current state of academic integrity in education and scientific research at Vietnamese universities through data collection from published research, institutional reports, and relevant legal documents. The findings reveal a notable paradox: while the majority of subjects affirm the importance of academic integrity, only slightly more than half demonstrate a clear understanding of specific regulations, and alarmingly, the majority have witnessed violations in practice, including plagiarism, incorrect citations, data fabrication and falsification, and copyright infringement. The main causes identified are pressure for research achievements, promotion opportunities, and lack of systematic education on academic integrity. Therefore, ensuring academic integrity in Vietnam requires comprehensive transformation, including synchronized coordination between state management agencies in issuing unified guidelines, universities in building honest research culture and reforming evaluation systems, and the academic community in raising individual responsibility awareness, while adapting to technological changes, particularly the development of artificial intelligence in the modern academic environment.*

Keywords: *academic integrity, research ethics, plagiarism, higher education, scientific research, Vietnam*

² Hanoi Open University